

Bản án số: 33/2018/HS-ST
Ngày 23-3-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN - TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thuý.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đức Dũng

Bà Liễu Thị Diệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Ngọc Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Lộc Văn Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 43/2018/TLST-HS ngày 02 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2018/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 3 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Phạm Huyền T1, sinh ngày 09 tháng 6 năm 1983 tại Lạng Sơn;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khối 5, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở: Ngõ 26, đường T, khối 9, phường K, thành phố S, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Ngọc S và bà Trần Mỹ P; chồng: Nguyễn Thế H (đã ly hôn) và có 02 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2006; tiền sự: Không; tiền án: có 02 tiền án:

+ Bản án số 82/2001/HSST ngày 23/5/2001 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xử phạt 04 năm tù giam tính từ ngày 05/12/2000 về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*".

+ Bản án số 02/2008/HSST ngày 03/01/2008 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn xử phạt 08 năm tù giam về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*".

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/10/2017 cho đến nay; có mặt.

2. Nguyễn Ngọc T2, sinh ngày 21 tháng 02 năm 1996 tại Lạng Sơn;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số 4 T, đường S, khối 9, phường T, thành phố S, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc Đ và bà Nguyễn Thị L; chồng, con: Chưa có; tiền sự: Không; tiền án: không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/10/2017 cho đến nay; có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chị Chu Thị N, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- Người làm chứng: Chị Trần Thu T, anh Chu Minh T. Vắng mặt.

- Người chứng kiến: Ông Nông Quốc B. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 23 giờ 10 phút ngày 19/10/2017, Tổ công tác Công an phường K, thành phố S, tỉnh Lạng Sơn tiến hành kiểm tra tạm trú, lưu trú tại phòng trọ của Phạm Huyền T1; địa chỉ ngõ 26, đường T, khối 9, phường K, thành phố S, tỉnh Lạng Sơn; Tổ công đã phát hiện trên nền nhà trong phòng có 02 bình nhựa màu trắng, đầu có gắn ống hút; 01 ống hút nhựa bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng và 400.000 đồng. Tổ công tác đã lập biên bản phạm tội quả tang và tiến hành khám xét nơi ở của Phạm Huyền T1, kết quả khám xét:

- Thu giữ 01 túi giả da màu đen trên nền nhà bên trong có:
 - + 08 ống nhựa bên trong mỗi ống chứa 01 viên nén màu hồng;
 - + 07 ống nhựa bên trong mỗi ống chứa 02 viên nén màu hồng;
 - + 01 ống nhựa bên trong chứa 03 viên nén màu hồng;
 - + 01 ống nhựa bên trong chứa 05 viên nén màu hồng;
 - + 03 ống nhựa bên trong mỗi ống đều chứa chất tinh thể màu trắng;
 - 01 túi nilon ở cạnh cửa ra vào phòng ở bên trong đựng 63 ống nhựa, bên trong đều chứa chất tinh thể màu trắng;
 - Thu tại ngăn đá tủ lạnh 01 túi nilon màu trắng bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng;
 - Thu dưới nền nhà 01 túi nilon màu đen, bên trong là túi nilon màu hồng đựng nhiều viên nén màu hồng (có nhiều viên đã bị vỡ vụn);
 - Thu trong túi giả da màu đen của Phạm Huyền T1 2.100.000 đồng;
 - 50 ống nhựa; 01 điện thoại di động OPPO; 01 điện thoại di động COOLPAD; 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA VISION không biển kiểm soát;
- Thu giữ của Nguyễn Ngọc T2 01 điện thoại IPHONE màu vàng và 1.700.000 đồng.

Quá trình điều tra, Phạm Huyền T1 và Nguyễn Ngọc T2 khai nhận: Nguồn gốc số ma túy trên do Phạm Huyền T1 mua với một người phụ nữ tên T3, không biết địa chỉ. Từ tháng 3/2017, Phạm Huyền T1 mua ma túy về bán lẻ cho các đối tượng nghiện để kiếm lời. Trong thời gian trên, Phạm Huyền T1 đã nhiều lần bán ma túy cho nhiều người trong đó có Nguyễn Ngọc T2. Đến đầu tháng 10/2017, Nguyễn Ngọc T2 đến ở cùng nhà trọ với Phạm Huyền T1, phụ giúp Phạm Huyền T1 làm việc nhà và bán ma túy, cụ thể: Khi có khách đến mua ma túy, Phạm Huyền T1 bảo Nguyễn Ngọc T2 đưa ma túy cho khách rồi cầm tiền đưa lại cho Phạm Huyền T1. Thời gian sau Nguyễn Ngọc T2 được Phạm Huyền T1 giao ma túy cho để tự bán khoảng 04 - 05 lần. Lần gần nhất là ngày 17/10/2017, Phạm Huyền T1 đưa cho Nguyễn Ngọc T2 ma túy đá và ma túy ngựa trị giá 7.000.000 đồng để Nguyễn Ngọc T2 bán lẻ cho các đối tượng nghiện. Nguyễn Ngọc T2 đã bán ma túy cho nhiều người, nhiều lần nhưng không biết tên tuổi, địa chỉ của họ, chỉ nhớ 02 lần bán ma túy cho Chu Minh T4, 02 lần bán ma túy cho Trần Thu T5.

Tại bản kết luận giám định số 358/KL-PC54 ngày 23/10/2017 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: Chất tinh thể màu trắng có trong 01 đoạn ống nhựa thu giữ khi bắt quả tang Phạm Huyền T1 là chất ma túy Methamphetamine, có trọng lượng 0,279 gam (đã trừ bì). Chất tinh thể màu trắng và các viên nén màu hồng thu giữ khi khám xét nơi ở của Phạm Huyền T1 đều là chất ma túy Methamphetamine, có trọng lượng (đã trừ bì) cụ thể như sau:

- 30 viên nén màu hồng có trong 17 đoạn ống nhựa có tổng trọng lượng 3,238 gam;
- Chất tinh thể màu trắng có trong 03 đoạn ống nhựa có tổng trọng lượng 0,692 gam;
- Chất tinh thể màu trắng có trong 63 đoạn ống nhựa có tổng trọng lượng 18,413 gam;
- Chất tinh thể màu trắng có trong 01 túi nilon có trọng lượng 0,092 gam;
- Nhiều viên nén màu hồng (có viên vỡ vụn) có trong túi nilon màu hồng đựng trong túi nilon màu đen là chất ma túy Methamphetamine có trọng lượng 21,329 gam.

Tại bản cáo trạng số 43/CT-VKSTPLS, ngày 02/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Phạm Huyền T1 về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" theo quy định tại các điểm b, m, p khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự 1999. Truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc T2 về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" theo quy định tại các điểm b, m khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự 1999.

Tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Huyền T1 và Nguyễn Ngọc T2 đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu, cụ thể:

Bị cáo Nguyễn Ngọc T2 khai: Từ đầu tháng 10/2017, bị cáo đến nhà Phạm Huyền T1 để giúp việc gia đình và giúp bị cáo Phạm Huyền T1 bán ma

túy. Khi có khách mua ma túy, Phạm Huyền T1 nhờ bị cáo mang ma túy đưa cho khách rồi cầm tiền mang về đưa lại cho Phạm Huyền T1. Bị cáo đã nhiều lần mang ma túy (loại ma túy đá và ma túy ngạ) đi bán cho nhiều người, trong đó có Chu Minh T4 và Trần Thu T5.

Bị cáo Phạm Huyền T1 khai: Bị cáo thực hiện việc bán ma túy từ tháng 3/2017. Trước đây một mình bị cáo trực tiếp bán ma túy, nhưng từ tháng 10/2017 có Nguyễn Ngọc T2 đến giúp bị cáo mang ma túy cho khách và nhận tiền mang về cho bị cáo. Thời gian gần đây bị cáo đưa ma túy cho Nguyễn Ngọc T2 để Nguyễn Ngọc T2 tự bán. Toàn bộ số ma túy thu giữ khi khám xét nơi ở của bị cáo là do bị cáo mua với 01 người tên là T3 để bán và sử dụng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa ông Nông Quốc B khai: Ông được Cơ quan Công an thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn mời tham gia kiểm tra tạm trú trên địa bàn khối 9 phường K, thành phố S, tỉnh Lạng Sơn. Khi kiểm tra chỗ ở của Phạm Huyền T1; địa chỉ ngõ 26, đường T, phường K, thành phố S, tỉnh Lạng Sơn. Cơ quan Công an đã phát hiện một số dụng cụ liên quan đến ma túy nên đã lập biên bản và tiến hành khám xét nơi ở; kết quả khám xét thu giữ được nhiều viên nén màu hồng, nhiều chất tinh thể màu trắng mà Phạm Huyền T1 khai đó là ma túy ngạ và ma túy đá.

Tại Cơ quan điều tra, chị Trần Thu T khai: Từ tháng 9 năm 2017 đến nay, chị được mua ma túy với Phạm Huyền T1 nhiều lần nhưng chị không nhớ rõ về thời gian và địa điểm, chị chỉ nhớ lần gần đây nhất được mua ma túy với Phạm Huyền T1 là ngày 18/10/2018. Anh Chu Minh T4 khai, anh được mua ma túy với Nguyễn Ngọc T2 nhiều lần, lần gần đây nhất là trưa ngày 17/10/2018.

Tại Cơ quan điều tra chị Chu Thị N khai: Ngày 15/10/2018, chị có gửi 01 chiếc xe Honda Vision màu đen mà chị mới mua (chưa đăng ký) tại chỗ ở của Phạm Huyền T1; địa chỉ ngõ 26, đường T, phường K, thành phố S. Khoảng 01 tuần sau chị đến chỗ ở của Phạm Huyền T1 để lấy lại xe thì được biết Phạm Huyền T1 bị bắt về tội ma túy, chiếc xe của chị đang bị Cơ quan Công an thành phố tạm giữ nên chị đã đến Cơ quan Công an thành phố Lạng Sơn làm việc và xin được trả lại xe. Ngày 14/11/2017 chị đã được nhận lại chiếc xe nói trên.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung cáo trạng đã nêu. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Huyền T1, bị cáo Nguyễn Ngọc T2 phạm tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*":

Đề nghị áp dụng điểm b, m, p khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; các Điều 20, 53, 33 của Bộ luật Hình sự 1999, xử phạt bị cáo Phạm Huyền T1 từ 09 năm đến 10 năm tù. Đề nghị áp dụng điểm b, m khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; các Điều 20, 53, 33 của Bộ luật Hình sự 1999, xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T2 từ 07 năm đến 08 năm tù. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với 02 bị cáo.

Về vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự năm 1999 và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu, tiêu hủy 02 phong bì niêm phong

đựng mẫu vật sau giám định, 02 bình nhựa màu trắng đầu có gắn ống hút, 02 túi giả da màu đen, 50 ống nhựa dài 20 cm. Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 1.700.000 đồng thu giữ của Nguyễn Ngọc T2. Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động OPPO; 01 điện thoại di động COOLPAD; 01 điện thoại di động IPHONE thu giữ của các bị cáo. Trả bị cáo Phạm Huyền T1 số tiền 2.500.000 đồng do không liên quan đến hành vi phạm tội. Truy thu đối với Phạm Huyền T1 2.500.000 đồng là tiền bán ma túy mà có. Xác nhận cơ quan Công an đã trả lại tài sản là chiếc xe mô tô Honda VISION cho chị Chu Thị N. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến đối đáp, tranh luận với quan điểm luận tội của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo sớm được trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi quyết định của Cơ quan điều tra Công an thành phố Lạng Sơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Phạm Huyền T1, bị cáo Nguyễn Ngọc T2 cơ bản phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng và những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, có cơ sở để xác định hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*".

[3] Các bị cáo đã thực hiện việc bán ma túy cho nhiều người, nhiều lần; trọng lượng ma túy thu giữ đối với bị cáo tương đối lớn (44,043 gam ma túy Methamphetamine). Vì vậy, cả hai bị cáo đều phải chịu trách nhiệm hình sự về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" với tình tiết định khung quy định là phạm tội nhiều lần và các chất ma túy ở thể rắn có trọng lượng từ 20 gam đến dưới 100 gam được quy định tại điểm b, m khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999. Riêng đối với bị cáo Phạm Huyền T1, lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm nên ngoài 02 tình tiết định khung nói trên bị cáo Phạm Huyền T1 còn có tình tiết định khung được quy định tại điểm p khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Phạm

Huyền T1 và bị cáo Nguyễn Ngọc T2 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Các bị cáo nhận thức được tác hại của ma túy, các quy định của pháp luật về phòng chống ma túy nhưng vì mục đích lợi nhuận, lối sống buông thả, ý thức chấp hành pháp luật kém mà các bị cáo cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của các bị cáo không những đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma túy mà còn là nguyên nhân làm phát sinh tội phạm và các tệ nạn xã hội khác, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Để có mức hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do từng bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử sẽ xem xét, đánh giá vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với từng bị cáo trong vụ án.

[5] Về vai trò của các bị cáo: Đây là vụ án có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, khi thực hiện hành vi phạm tội giữa các bị cáo có mối liên hệ chặt chẽ, phối hợp, cùng hướng tới một mục đích chung. Hậu quả của tội phạm là kết quả chung do hoạt động của các bị cáo trong vụ án cùng tham gia gây ra. Trong vụ án này, Hội đồng xét xử đánh giá bị cáo Phạm Huyền T1 là người có vai trò chính, bị cáo Nguyễn Ngọc T2 có vai trò thứ yếu hơn.

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân bị cáo: Ngoài tình tiết tăng nặng định khung các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo cơ bản thành khẩn nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Ngọc T2 chưa có tiền án tiền sự; bị cáo Phạm Huyền T1 nhiều lần bị Tòa án kết án nhưng bị cáo không lấy đó là bài học cho bản thân mà tiếp tục phạm tội; điều này thể hiện bị cáo là người có nhân thân xấu, thiếu ý thức tu dưỡng, rèn luyện.

[7] Để bị cáo có cơ hội cải tạo, đồng thời góp phần răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Xét thấy, việc cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian là cần thiết.

[8] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo là người nghiện ma túy, kết quả xác minh cho thấy các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng, sống phụ thuộc vào gia đình nên việc áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo sẽ không có tính khả thi. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và mức hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[10] Đối với người phụ nữ đã bán ma túy cho bị cáo Phạm Huyền T1, do bị cáo không biết địa chỉ của người phụ nữ này, nên Cơ quan điều tra không xác minh làm rõ được để xử lý trong vụ án.

[11] Đối với hành vi của anh Chu Minh T4, chị Trần Thu T5 đã bị Công an thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

[12] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 xe mô tô Honda VISION, không đeo biển kiểm soát đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Lạng Sơn trả cho chủ sở hữu là chị Chu Thị N trước khi vụ án được đưa ra xét xử nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Đối với những vật mà Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành, vật liên quan đến việc phạm tội và vật không còn giá trị sử dụng cần được tịch thu tiêu hủy, bao gồm: 02 phong bì niêm phong đựng mẫu vật sau giám định; 02 bình nhựa có gắn ống hút; 02 túi giả da; 50 ống nhựa.

Đối với 02 chiếc điện thoại thu giữ của Phạm Huyền T1 và 01 chiếc điện thoại thu giữ của Nguyễn Ngọc T2 là công cụ mà các bị cáo vào dùng việc phạm tội. Vì vậy cần được tịch thu, hóa giá, sung Ngân sách Nhà nước.

Tại phiên tòa, có căn cứ để xác định số tiền 1.700.000 đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Ngọc T2 là tiền bán ma túy mà có, vì vậy cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 2.500.000 đồng thu giữ của bị cáo Phạm Huyền T1: Mặc dù bị cáo Phạm Huyền T1 khai đây là tiền công bị cáo có được từ việc thuê tranh đá nhưng ngoài lời khai của mình bị cáo không có chứng cứ để chứng minh. Mặt khác, lời khai của bị cáo tại phiên tòa còn có nhiều mâu thuẫn về nguồn gốc của số tiền này, trong khi lời khai của bị cáo Nguyễn Ngọc T2 xác định chiều ngày 19/10/2017 bị cáo Nguyễn Ngọc T2 đưa cho bị cáo Phạm Huyền T1 2.500.000 đồng tiền bán ma túy. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ để xác định số tiền 2.500.000 đồng đã thu giữ của bị cáo Phạm Huyền T1 là tiền do phạm tội mà có, vì vậy tịch thu sung Ngân sách Nhà nước là phù hợp.

[13] Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật;

[14] Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Huyền T1 và bị cáo Nguyễn Ngọc T2 phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”:

2. Về hình phạt:

2.1: Căn cứ vào điểm b, m, p khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53 của Bộ luật hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo Phạm Huyền T1 **10 (Mười)** năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 20/10/2017.

2.2: Căn cứ vào điểm b, m khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53 của Bộ luật hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T2 **08 (Tám)** năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 20/10/2017.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 02 phong bì niêm phong đựng mẫu vật sau giám định; 02 bình nhựa màu trắng có gắn ống hút; 02 túi giả da màu đen; 50 ống nhựa dài 20 cm.

- Tịch thu hóa giá sung Ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO và 01 điện thoại di động COOLPAD thu giữ của bị cáo Phạm Huyền T1; 01 điện thoại di động IPHONE thu giữ của bị cáo Nguyễn Ngọc T2.

- Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước số tiền 1.700.000 đồng (*Một triệu bảy trăm ngàn đồng chẵn*) thu giữ của bị cáo Nguyễn Ngọc T2 và 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm ngàn đồng chẵn*) thu giữ của bị cáo Phạm Huyền T1.

(Số tiền nói trên hiện đang được gửi tại Kho bạc nhà nước Lạng Sơn, số tài khoản số 3949.0.1054411.00000 theo Ủy nhiệm chi lập ngày 23/02/2018. Những vật chứng còn lại hiện đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Lạng Sơn, có đặc điểm như được mô tả trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/02/2018 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Lạng Sơn và Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố S).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Phạm Huyền T1, bị cáo Nguyễn Ngọc T2 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng chẵn*) án phí hình sự sơ thẩm, sung Ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ khi nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND thành phố Lạng Sơn;
- Công an thành phố Lạng Sơn;
- Bị cáo; người liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Thùy